

10.13. Trợ đẻ, thúc đẻ (oxygenique) :

Bóng nước (hạt)
Hòe
Hồng hoa (liều vừa đủ)
Ích mẫu (lá, hạt)
Ngũ vị tư
Ngưu tất
Táo chua (nhân hạt)
Thiên hoa phấn (liều vừa)

10.14. Phụ nữ có thai khi dùng phải thận trọng :

Bà đậu sương
Bán hạ
Bìm bìm biếc (hạt)
Bóng nước (hạt)
Bồ kết (quả gai)
Cô tranh (rễ)
Cốt khí củ
Đại hoàng
Hòe (quả)
Hồng hoa
Long đởm
Mã đề
Màn trời
Mẫu đơn bì
Một dược
Nghệ
Ngưu tất (cỏ xurört)
Nhũ hương
Ô dầu
Phụ tử
Thiến thảo
Xuyên khung

10.15. Viêm vú :

Bối mẫu xuyên

10.16. Thông sữa:

Bồ kết (gai)
Đông quỳ tư
Mộc thông
Muối (xơ)
Thông thảo

10.17. Lợi sữa :

Bí dao (vỏ qua)
Bồ công anh
Mạch môn
Rau má
Rau thái nhí (Tứ hà xa)
Tiêu hồi
Viễn chí
Ý dĩ

11. Thuốc nghiên cứu phổi hợp chữa ung thư

11.1. Những thuốc có thể gây ung thư :

Bà đậu (dầu hạt)
Ba gạc (gây ung thư vú)
Thủy xương bồ
Thương lục
Vòi voi (cây)

11.2. Gây biến đổi về gen :

Thiên hoa phấn

11.3. Làm tăng số lượng bạch huyết cầu :

Rễ cù gai (làm bánh)

11.4. Chống khối u (antitumoral) :

Mộc thông
Ngưu hàng (rễ)
Phục linh
Tam thất bắc
Linh chi

11.5. Chữa ung thư máu :

Tam thất bắc

11.6. Chữa ung thư bạch cầu :

Thanh đại (lá chàm mèo)

11.7. Chữa giảm tiêu cầu :

Đại táo
Tam thất bắc

11.8. Chữa ung thư gan :

Baba (mai) = miếng giáp
Đông trùng hạ thảo